TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 23 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXX-ST ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Trước đây, do quen biết nên bà có cho bà Lê Thị N vay tiền nhiều lần để lo cho gia đình, cụ thể:

- Ngày 27/12/2022, bà N hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong biên nhận.

- Ngày 03/01/2023, bà N hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong biên nhận.

- Ngày 16/01/2023, bà N hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong biên nhận.

- Ngày 19/01/2023, bà N hỏi mượn số tiền 10.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong biên nhận.

- Ngày 27/3/2023, bà N hỏi mượn số tiền 70.000.000 đồng, có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận thời gian trả là 03 tháng.

Sau khi đến hạn, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N vẫn không trả nợ, do đó bà khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền là 172.550.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 140.000.000 đồng và số tiền lãi đối với từng khoản vay tổng cộng là 32.550.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/9/2024, bà Q xác định chỉ yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền từng khoản vay tổng cộng là 32.550.000 đồng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án thông báo về việc bà Nguyễn Thị Q khởi kiện và đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án nên chưa ghi nhận được ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N phải trả số tiền vay là 140.000.000đồng, thể hiện qua các biên nhận nợ có chữ ký tên nhận nợ của bà N nên phát sinh tranh chấp. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Q tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc:

[3.1] Bà Q cho rằng có cho bà N vay nhiều lần, với tổng số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ. Bà Q có cung cấp các biên nhận giữa bà Q và bà N, có chữ ký dưới mục người nhận là Lê Thị N, đúng số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà Q.

[3.2] Đối với bà N trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù, đã được Tòa án thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của bà Q nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối hay thừa nhận nợ, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Bà N cũng không có ý kiến phản đối về tài liệu là các biên nhận với số tiền nợ gốc tổng cộng là 140.000.000 đồng mà bà Q cung cấp. Do đó, coi như bà N đã từ chối việc tham gia tố tụng, thừa nhận khoản nợ mà bà Q đã yêu cầu và đây được xem là tình tiết, sự kiện, tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2024 đối với chị Huỳnh Lê Yến N1 là con của bà Lê Thị N xác định: *"Việc mẹ tôi vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Q thì tôi không rõ. Tuy nhiên, khi mẹ*

tôi tuyên bố bể nợ thì có nói với tôi biết việc còn nợ bà Q, nợ khoảng 70.000.000 đồng, còn cụ thể như thế nào tôi không biết".

[3.4] Từ những lý do trên, có đủ cơ sở xác định thực tế giữa bà Q và bà N có xác lập giao dịch vay tài sản được thể hiện qua các biên nhận lập các ngày: Ngày 27/12/2022, bà N mượn số tiền là 20.000.000đồng; ngày 03/01/2023, bà N mượn số tiền 20.000.000đồng; ngày 16/01/2023, bà N mượn số tiền 20.000.000đồng; ngày 19/01/2023, bà N mượn số tiền 10.000.000 đồng; ngày 27/3/2023, bà N mượn số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay nợ là 140.000.000đồng. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nay bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Q khởi kiện là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà N có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà Q nên bà N phải chịu án phí do yêu cầu của bà Q được chấp nhận. Cụ thể: Án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 140.000.000đồng = 7.000.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn bà Lê Thị N.

2. Buộc bà Lê Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ thì bà Lê Thị N còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q đối với bà Lê Thị N về khoản tiền lãi.

4. Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị N phải chịu là 7.000.000đồng (bảy triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Q được nhận lại số tiền 4.314.000đồng (bốn triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004595 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THAhuyện Châu Thành A
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên